

Số: 98 /QĐ-UBND.HC

Lấp Vò, ngày 25 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá tiếp cận pháp luật năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật về kết quả đánh giá chấm điểm tiếp cận pháp luật năm 2020 vào ngày 20 tháng 01 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 12 xã và 01 thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Tin học Huyện đăng tải danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 trên Trang Thông tin điện tử của Huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật Huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT/HU, TT/HĐND Huyện;
- CT, PCT/UBND Huyện;
- LĐVP + CV (Thủy);
- Lưu: VT, PTP, (Nh), KT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Nhanh

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 98 /QĐ-UBND.HC ngày 25 tháng 01 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò)



STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I							
1	Bình Thành	99	15	30	24	10	20	98,57
2	Định An	98	14	30	24	10	20	100
3	Vĩnh Thạnh	98	14	30	24	10	20	99,89
4	Long Hưng B	98	14	30	24	10	20	99,5
5	Định Yên	97,75	13,75	30	24	10	20	100
6	Bình Thạnh Trung	97,75	14	29,75	24	10	20	97,9
7	Mỹ An Hưng B	97	14	29,16	24	9,84	20	97,15
8	Tân Khánh Trung	96	12	30	24	10	20	100
II	Loại II							
9	Long Hưng A	98	14	30	24	10	20	100
10	Hội An Đông	98	14	30	24	10	20	100
11	TT.Lập Vò	97,75	13,75	30	24	10	20	100
12	Mỹ An Hưng A	96,82	14	29,82	23	10	20	98,50
13	Tân Mỹ	96	12	30	24	10	20	99,5